TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2025
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Nguyễn Thị Tài**.
2. Bà: **Lê Thị Sáu.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bảo Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Lĩnh** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 286/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2024 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐHNGĐ-ST ngày 29/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ka A, sinh năm 1980; địa chỉ: Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc Ngãi, huyện B, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Trường D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc Ngãi, huyện B, tỉnh C.

(Bà A có đơn xin vắng mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D có tìm hiểu yêu nhau được 05 tháng thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Ngãi, huyện B, tỉnh C vào ngày 29/6/2015. Hôn nhân tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo E tục. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, thường xuyên cãi nhau, ông D có tình cảm với người phụ nữ khác và sống không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần ly thân và tái hợp nhưng đến nay không thể tiếp tục chung sống vì ông D Ka không chịu thay đổi. Đến nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà A yêu cầu ly hôn với ông D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn K’ Ngọc E, sinh ngày 20/6/2011 và cháu Nguyễn K’ Ngọc E, sinh ngày 05/12/2015. Cả 02 cháu hiện đang sống với bà A, bà A có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông D không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bà A và ông D được ly hôn với nhau; giao con chung cho bà A nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết và buộc bà A phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà A có đơn đề nghị vắng mặt, ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D có đăng ký kết hôn tại UBND Ngãi, huyện B, tỉnh C vào ngày 29/6/2015; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của bà A và ông D là hợp pháp.

Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Điều này cho thấy ông D bỏ mặc hôn nhân của mình, không muốn sống chung với bà A nữa. Do đó, hôn nhân của bà A và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp xử cho bà A và ông D được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy trong thời gian ly thân, bà A là người trực tiếp nuôi con, các con phát triển khỏe mạnh và có nguyện vọng được sống với mẹ và có nguyện vọng sống với mẹ nên cần tiếp tục giao con cho bà A nuôi dưỡng. Do bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82,

83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ka A về việc "*Ly hôn*" với ông Nguyễn Ngọc Trường D, xử cho bà Ka A và ông Nguyễn Ngọc Trường D được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn K' Ngọc E, sinh ngày 20/6/2011 và cháu Nguyễn K' Ngọc E, sinh ngày 05/12/2015 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình."

3. Về án phí: Buộc bà A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 4554 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C (Bà A đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh C xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C [(2)]
- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh C;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu **Nguyễn Thị Tài** **Nguyễn Văn Linh**